

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT
Ngày: 30/3/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
& hợp đồng CNQSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Lâm Đồng

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lượm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLPT- KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2017, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng & hợp đồng CNQSD đất.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Địa chỉ: đường L, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền ông Mai Quang M – Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2016. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huệ T – Chủ DNTN H (có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ A, khu vực B, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ – Bộ Công An.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 ông Huỳnh Thanh B (có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ A, khu vực B, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Kênh A - Bộ Công An.

3.2 bà Huỳnh Thị Cẩm T

Địa chỉ: đường V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ

3.2 bà Huỳnh Thị Diệu L

Địa chỉ: đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.4 bà Huỳnh Thị Diệu H

3.5 ông Huỳnh Tuấn K

3.6 ông Huỳnh Tuấn M

Cùng địa chỉ: Quốc lộ A, khu vực B, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ

Bà L, bà H, ông K, ông M đồng ủy quyền cho bà Cẩm T – Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2014. (có mặt)

3.7 ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 03/6/2009, nguyên đơn Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 1500-LVA-200900592 với bị đơn và cấp tín dụng cho bị đơn vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) theo hai khế ước nhận nợ số: 1500-LDS-200901513 ngày 08/8/2009 và số: 1500-LDS-200901941 ngày 02/10/2009. Thỏa thuận lãi suất vay 0,875%/tháng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, thời hạn vay 02 tháng.

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn thế chấp cho nguyên đơn hai phần đất như sau: phần đất diện tích 6.335m² tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B044096, số vào sổ 000074 do Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp ngày 05/01/1992 cho ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T đảm bảo cho khế ước số 1500-LDS-200901513 ngày 08/8/2009; phần đất diện tích 630m² tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930 do Ủy ban nhân dân huyện C,

tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 27/10/2003 cho bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Huỳnh Thanh B đảm bảo cho khế ước số 1500-LDS-200901941 ngày 02/10/2009.

Tại biên bản lấy lời khai của đại diện nguyên đơn ngày 31/7/2017 đã rút lại yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu ban đầu và hiện chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh. Nếu trong trường hợp bị đơn không thanh toán được thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với phần đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Từ lúc vay đến nay, bị đơn không đóng lãi cũng như không trả vốn nên nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.365.150.000 đồng, lãi quá hạn chậm thanh toán (150% của lãi trong hạn) là 1.182.575.000 đồng tính từ 02/10/2009 đến ngày **28/8/2017** và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu trong trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với phần đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huệ T có ý kiến:

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn thừa nhận có việc vay tiền và hiện còn nợ gốc như nguyên đơn trình bày và có yêu cầu chỉ tính lãi trong hạn, giảm bớt lãi. Đồng thời, khi phát mãi tài sản thế chấp dành ra 400.000.000 đồng để lo cho con của bị đơn. Hiện bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Đ thuộc Bộ Công an nên có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B có ý kiến:

Khi bị đơn vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh, ông có thể chấp phần đất là tài sản chung của ông và bị đơn để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn. Trong trường hợp, bị đơn không thanh toán được khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng thì ông cũng đồng ý cho Ngân hàng phát mãi phần đất trên để thu hồi nợ. Ông B có yêu cầu giải quyết vắng mặt vì hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh A thuộc Bộ Công an.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cẩm T, bà Diệu L, bà Diệu H, ông Tuấn K, ông Tuấn M trình bày và có yêu cầu:

Do phần đất bị đơn thế chấp trước đây thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Anh T và bà Đoàn Thị Ngọc S là cha, mẹ ruột của ông, bà chuyển nhượng cho bà Huệ T và ông B với giá 2,6 tỷ đồng, nhưng bà Huệ T và ông B chỉ thanh toán 1,7 tỷ và hiện còn nợ 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) nên các ông, bà là những người thừa kế của ông T, bà S có yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Huệ T

và ông B có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho ông, bà số tiền trên, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Với yêu cầu của những người thừa kế của ông T và bà S, bị đơn bà Huệ T và ông B thừa nhận còn nợ số tiền như trên và đồng ý thanh toán.

Hiện nay trên phần đất bị đơn thế chấp, người liên quan ông M đang ở và có cho ông Nguyễn Thanh P thuê. Ông P không có ý kiến hay yêu cầu gì về vụ việc trên.

Quá trình hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.365.150.000 đồng, lãi quá hạn 1.182.575.000 đồng, tổng cộng lãi 3.547.725.000 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn và ông B có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến như trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cẩm T, bà L, bà H, ông K, ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân quận C tuyên xử như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Huệ T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền là 5.547.725.000 đồng (năm tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và nợ lãi là 3.547.725.000 đồng.

Bị đơn còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/8/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp bà Huệ T - chủ Doanh nghiệp tư nhân H không trả được nợ thì nguyên đơn Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận C thuộc quyền sử dụng của bà Huệ T và ông B để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mãi tài sản thì ông Huỳnh Tuấn M và ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ di dời ra khỏi phần đất để thực hiện phát mãi.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người liên quan

Buộc bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Huỳnh Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Cẩm T, bà H, bà L, ông K, ông M số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm; về quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 11/10/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại cách tính lãi của Ngân hàng và việc phân chia tài sản giữa ông và bà Huệ T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo;

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc 2.000.000.000 đồng nợ lãi 3.547.725.000 đồng là căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng pháp luật, ông B yêu cầu xem xét lại phần lãi là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin chia tài sản chung của ông B thì không thuộc đối tượng giải quyết trong vụ án này nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án có yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về số tiền chuyển nhượng đất với bị đơn và ông B nên cần phải xác định thêm quan hệ pháp luật hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Với những ý kiến nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Huệ T thanh toán nợ vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật. Tuy nhiên trong vụ án còn có

tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên cần phải xác định thêm quan hệ pháp luật này.

Về nội dung:

[2] Bị đơn bà Huệ T thừa nhận giữa bà và Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 1500-LVA-200900592 vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) theo hai khế ước nhận nợ số: 1500-LDS-200901513 ngày 08/8/2009 và số: 1500-LDS-200901941 ngày 02/10/2009. Thỏa thuận lãi suất vay 0,875%/tháng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, thời hạn vay 02 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 31/7/2017 nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu ban đầu và hiện chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và nợ lãi trong hạn là 2.365.150.000 đồng, lãi quá hạn 1.182.575.000 đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 1500-LDS-200901941 ngày 02/10/2009. Đồng thời, để đảm bảo khoản vay này, bị đơn thừa nhận thế chấp cho nguyên đơn phần đất diện tích 630m² tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 27/10/2003 cho bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Huỳnh Thanh B.

Hết thời hạn vay nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc và lãi nhưng bị đơn chưa thanh toán. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ vốn lãi theo hợp đồng tín dụng và cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ vốn lãi là 5.547.725.000 đồng là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Huệ T đồng ý với án sơ thẩm và không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại quyết định của án sơ thẩm liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà Huệ T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B kháng cáo không đồng ý với cách tính lãi của nguyên đơn và yêu cầu xem xét việc phân chia tài sản của ông và vợ là bà Nguyễn Thị Huệ T. Yêu cầu kháng cáo này là không có cơ sở với các lý do sau:

Như đã phân tích hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 1500-LDS-200901941 ngày 02/10/2009 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Huệ T – Chủ DNTN H và Ngân hàng, bà Huệ T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía Ngân hàng yêu cầu khởi kiện thanh toán vốn và lãi như nội dung hợp đồng đã ký kết là phù hợp. Ông B cho rằng Ngân hàng tính lãi chưa phù hợp nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không đủ cơ sở xem xét. Phía Ngân hàng cũng đã cung cấp bảng chiết tính lãi tạm tính đến ngày 03/07/2017 cho bà Huệ T

(BL197) bà Huệ T cũng không có ý kiến gì đối với bảng tính lãi của Ngân hàng mà chỉ xin tính lãi trong hạn và giảm lãi cho bà.

Đối với yêu cầu xem xét việc phân chia tài sản chung của ông và vợ là bà Nguyễn Thị Huệ T yêu cầu này không nằm trong nội dung giải quyết vụ án, nếu bị đơn có yêu cầu sẽ được giải quyết thành một vụ kiện khác, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo này của ông B.

[3] Đối với tài sản thế chấp: Khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng ông B và bà Huệ T vẫn là vợ chồng hợp pháp có giấy đăng ký kết hôn, để đảm bảo nợ vay ông bà đã ký kết hợp đồng thế chấp ngày 22/7/2009 thế chấp phần đất diện tích 630m², thửa đất số 1809 tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 27/10/2003 là tài sản chung của vợ chồng ông B và bà Huệ T. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, đã có hiệu lực được quy định tại Điều 9,10 và Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/12/2006, về giao dịch bảo đảm. Khi ký kết hợp đồng thế chấp ông B thừa nhận có ký tên vào hợp đồng thế chấp và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Nghị định 163 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm “*Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của người những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cẩm T, bà L, bà H, ông K, ông M yêu cầu bị đơn bà Huệ T, ông B thanh toán số tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ còn nợ 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Hai bên đã thống nhất số tiền còn nợ không ai kháng cáo. Bà Huệ T, ông B cũng đồng ý trả nên cần buộc bị đơn bà Huệ T và ông B có nghĩa vụ trả cho các ông, bà CẩmT, bà H, bà L, ông K, ông M số tiền 900.000.000 đồng như cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp với qui định pháp luật.

Từ các căn cứ phân tích nêu trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh B.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh B

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Huệ T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền là 5.547.725.000 đồng (năm tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và nợ lãi là 3.547.725.000 đồng.

Bị đơn còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/8/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu bà Huệ T - chủ Doanh nghiệp tư nhân H không thanh toán toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là phần đất diện tích 630m², thửa đất số 1809, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cũ cấp ngày 27/10/2003 do ông B và bà Huệ T đứng tên, đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mãi tài sản thì ông Huỳnh Tuấn M và ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ di dời tài sản ra khỏi phần đất để thực hiện phát mãi.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người liên quan

Buộc bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Huỳnh Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Cẩm T, bà H, bà L, ông K, ông M số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về chi phí định giá, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Huỳnh Thanh B phải chịu 3.995.223 đồng. Số tiền này hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X 1.500.000 đồng, hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Cẩm T 2.495.233 đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huệ T phải nộp số tiền 113.547.725 đồng đối với phần nợ tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Huỳnh Thanh B phải chịu 39.000.000 đồng đối với phần nợ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.019.000 đồng (năm mươi tám triệu, không trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai số 0000431 ngày 21/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự quận C

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Cẩm T, bà Huỳnh Thị Diệu L, bà Huỳnh Thị Diệu H, ông Huỳnh Tuấn K, ông Huỳnh Tuấn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí 20.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000706 ngày 08/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C

Án phí KDTM phúc thẩm: ông Huỳnh Thanh B phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 006012 ngày 11/10/2017, của Chi cục thi hành án dân sự quận C; ông B còn phải nộp 1.700.000 đồng án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự
- VKSND-TPCT;
- TAND quận C;
- Chi cục THA.DS Q. C;
- Lưu (2b).

(Đã ký)

Trần Trí Dũng